TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-ST
Ngày: 20 - 8 - 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trương Văn Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Y Mưng Niê**

2. Bà **Trần Thị Tuyến**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Anh** - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà*:** Ông **Nguyễn Văn Toản** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (gọi tắt: B).

- Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phan Đức T, Chủ tịch Hộ đồng quản trị.

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Hà H, Giám đốc Chi nhánh Bắc Đắk Lắk (theo giấy ủy quyền thường xuyên số 804/QĐ - BIDV, ngày 22/8/2019)

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Văn L – Giám đốc B phòng giao dịch P, huyện K. (Văn bản ủy quyền số Giấy ủy quyền số 1910/BIDV.BĐL ngày 18/12/2020) - Có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Ông Y S Mlô, bà H Y Niê – Vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đ.

(đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày đề ngày 29/12/2020, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 14/01/2019 vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê có vay của Ngân hàng TMCP Đ với tổng số tiền gốc là 450.000.000 đồng theo 02 hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số 01/2019/7045120/HDTD và hợp đồng tín số 02/2019/7045120/HDTD, thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay đầu tư chăm sóc cây cà phê. Để đảm bảo cho hai khoản vay nói trên vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê có thế chấp tại Ngân hàng 03 quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 30, diện tích 6567.9 m^2; địa chỉ thửa đất: xã Cư Pơng, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã được UBND huyện Krông Búk cấp cho vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê vào ngày 05/3/2015 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 092892, theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/7045120/HĐBĐ, ngày 09/4/2015;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 29, diện tích 10136.4 m^2; địa chỉ thửa đất: xã Cư Pơng, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê vào ngày 09/02/2017 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 193007, theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/7045120/HĐBĐ, ngày 15/02/2017;

- Quyền sử dụng đất à tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ số 108, diện tích 437,2 m^2; địa chỉ thửa đất: xã C, huyện K, tỉnh Đ đã được UBND huyện K cấp cho vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê vào ngày 07/01/2013 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 769153, theo hợp đồng thế chấp số 01/2019/7045120/HĐBĐ, ngày 14/01/2019.

Mặc dù, đã quá hạn trả nợ và Ngân hàng đã đến nhà vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê để đôn đốc việc trả nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê vẫn không thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tạm tính đến ngày xét xử (ngày 20/8/2021) với tổng số tiền là 602.995.436 đồng, trong đó nợ gốc là 450.0000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 96.088.494 đồng, lãi quá hạn: 42.240.000 đồng và lãi chậm trả đối với lãi: 14.666.942 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 01/2019/7045120/HDTD và hợp đồng tín số 02/2019/ 7045120/HDTD kể từ ngày 21/8/2021 cho đến khi vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê trả hết nợ.

Trường hợp vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan có

thẩm quyền xử lý tài sản là 03 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 30, diện tích 6567.9 m^2; địa chỉ thửa đất: xã C, huyện K, tỉnh Đ đã được UBND huyện K cấp cho vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê vào ngày 05/3/2015 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 092892, theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/7045120 /HĐBĐ, ngày 09/4/2015; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 29, diện tích 10136.4 m^2; địa chỉ thửa đất: xã C, huyện K, tỉnh Đ đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cho vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê vào ngày 09/02/2017 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 193007, theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/7045120/HĐBĐ, ngày 15/02/2017 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ số 108, diện tích 437,2 m^2; địa chỉ thửa đất: xã C, huyện K, tỉnh Đ đã được UBND huyện K cấp cho vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê vào ngày 07/01/2013 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 769153, theo hợp đồng thế chấp số 01/2019/7045120/HĐBĐ, ngày 14/01 /2019 để thu hồi nợ cho Ngân hàng BIDV.

- *Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Y S Mlô trình bày:* Vợ chồng ông Y S Mlô thừa nhận có vay của Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền gốc là 450.000.000 đồng. Hai bên có ký hợp đồng tín dụng theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2019/7045120/HĐTD ngày 14/01/2019 và hợp đồng tín dụng số 02/2019/7045120/HĐTD với lãi suất vay là 11,6%/năm đối với khoản nợ gốc 250.000.000 đồng và lãi suất 11,9%/năm đối với khoản nợ gốc 200.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng tức vào ngày 14/01/2020. Để bảo đảm cho khoản vay vợ chồng ông Y S Mlô có thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đ 03 quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy CNQSD đất số BT 092892; CG 193007; BE 769153. Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Y S Mlô trả nợ gốc là 450.000.000 đồng và lãi suất phát sinh thì vợ chồng ông Y S Mlô cũng đồng ý, nhưng do kinh tế gặp nhiều khó khăn, giá cà phê xuống thấp nên không có tiền trả nợ cho Ngân hàng, đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng ông Y S Mlô gia hạn thêm thời gian để tìm người bán đất trả nợ cho Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành, tống đạt và niêm yết hợp lệ nhiều lần, đầy đủ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê, mặc dù đã nhận, cũng như Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê vẫn cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về nội dụng vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Y S Mlô, bà H Y Niê đã được Tòa án tống đạt

hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng và thủ tục tống đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện ông Y S Mlô, bà H Y Niê về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng, Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn và xác minh nơi cư trú của bị đơn đúng theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ, và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê nhưng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Mặc dù, đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Y S Mlô, bà H Y Niê vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Xét hợp Hợp đồng tín dụng số 01/2019/7045120/HDTD và hợp đồng tín số 02/2019/7045120/HDTD ngày 14/ 01/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B – Phòng giao dịch P, K với với vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê là đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên; quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê chưa thanh toán được cho Ngân hàng TMCP Đ được khoản tiền gốc nào và vi phạm nghĩa vụ trả lãi kể về thời hạn trả nợ từ ngày 15/01/2020, được các bên thừa nhận. Do đó, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tính đến ngày xét xử 20/8/2021 với tổng số tiền là 602.995.436 đồng, trong đó nợ gốc là 450.0000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 96.088.494 đồng, lãi quá hạn: 42.240.000 đồng và lãi chậm trả đối với lãi: 14.666.942 đồng.

Về tiền lãi phát sinh: Tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 01/2019/7045120/HDTD và hợp đồng tín số 02/2019/7045120 /HDTD kể từ ngày 21/8/2021 cho đến khi vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê trả hết nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Xét hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2015/7045120 /HĐBĐ, ngày 09/4/2015, hợp đồng thế chấp số 01/2017/7045120/HĐBĐ, ngày 15/02/2017 và

hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2019/7045120/HĐBĐ, ngày 14/01 /2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê được ký kết với người có thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên phát sinh hiệu lực. Do đó, trường hợp vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã 03 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 30, diện tích 6567.9 m^2; địa chỉ thửa đất: xã C, huyện K, tỉnh Đ đã được UBND huyện K cấp cho vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê vào ngày 05/3/2015 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 092892, theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/7045120 /HĐBĐ, ngày 09/4/2015; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 29, diện tích 10136.4 m^2; địa chỉ thửa đất: xã C, huyện K, tỉnh Đ đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cho vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê vào ngày 09/02/2017 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 193007, theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/7045120/HĐBĐ, ngày 15/02/2017 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ số 108, diện tích 437,2 m^2; địa chỉ thửa đất: xã C, huyện K, tỉnh Đ đã được UBND huyện K cấp cho vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê vào ngày 07/01/2013 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 769153, theo hợp đồng thế chấp số 01/2019/7045120/HĐBĐ, ngày 14/01/2019 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ là phù hợp với quy định.

Trường hợp vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có nghĩa vụ trả lại cho ông Y S Mlô, bà H Y Niê bản gốc các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BT 092892; CG 193007 và BE 769153 mang tên ông Y S Mlô, bà H Y Niê.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc ông Y S Mlô, bà H Y Niê phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 28.119.000 đồng (làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 353; 317, 318, 319, 321, 322, 323; 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự; Điều 8, 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ

1. Về số nợ và nghĩa vụ trả nợ: Buộc vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (tạm tính đến ngày xét xử ngày 20/8/2021) với tổng số tiền là 602.995.436 đồng (*Sáu trăm linh hai triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm ba mươi sáu đồng*), trong đó nợ gốc là 450.0000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn: 96.088.494 đồng (*Chín mươi sáu triệu không trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng*), lãi quá hạn: 42.240.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) và lãi chậm trả đối với lãi: 14.666.942 đồng (*Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng*).

Tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 01/2019/7045120/HDTD và hợp đồng tín số 02/2019/7045120/HDTD kể từ ngày 21/8/2021 cho đến khi vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê trả hết nợ.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã 03 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 30, diện tích 6567.9 m^2; địa chỉ thửa đất: xã C, huyện K, tỉnh Đ đã được UBND huyện K cấp cho vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê vào ngày 05/3/2015 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 092892, theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/7045120 /HĐBĐ, ngày 09/4/2015; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 29, diện tích 10136.4 m^2; địa chỉ thửa đất: xã C, huyện K, tỉnh Đ đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cho vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê vào ngày 09/02/2017 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 193007, theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/7045120/HĐBĐ, ngày 15/02/2017 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ số 108, diện tích 437,2 m^2; địa chỉ thửa đất: xã C, huyện K, tỉnh Đ đã được UBND huyện K cấp cho vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê vào ngày 07/01/2013 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 769153, theo hợp đồng thế chấp số 01/2019/7045120/HĐBĐ, ngày 14/01/2019 để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Trường hợp vợ chồng ông Y S Mlô, bà H Y Niê thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có nghĩa vụ trả lại cho ông Y S Mlô, bà H Y Niê bản gốc các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BT 092892; CG 193007 và BE 769153 mang tên ông Y S Mlô, bà H Y Niê đã thế chấp.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Y S Mlô, bà H Y Niê phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 28.119.000 đồng (*Hai mươi tám triệu một trăm mười chín nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 12.728.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0018539, ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Krông Búk;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Búk;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk*
- *Lưu Hồ sơ, Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Chinh